

TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ (OER) TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: VAI TRÒ, TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Lê Đức Quảng¹, Nguyễn Thị Lệ Thương¹, Hoàng Ái Mỹ¹
Email: quang_ld@qtttc.edu.vn. ORCID: 0009-0008-7125-1305

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1490

Tóm tắt: Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) góp phần mở rộng tiếp cận tri thức và thúc đẩy giáo dục mở trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu nhằm làm rõ vai trò, tiềm năng, thách thức và định hướng phát triển OER, đặc biệt tại Việt Nam, thông qua tổng quan và phân tích tài liệu nghiên cứu, chính sách và pháp lý liên quan. Kết quả cho thấy OER hỗ trợ mở rộng tiếp cận học liệu, đổi mới dạy học, chia sẻ tri thức và học tập suốt đời; tuy nhiên, hiệu quả và tính bền vững phụ thuộc vào chất lượng tài nguyên, bản quyền, năng lực số, hạ tầng, chính sách và cơ chế tài chính. Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện chính sách, nâng cao năng lực OER, phát triển kho tài nguyên có chất lượng và bảo đảm nguồn lực duy trì, đồng thời khai thác phù hợp các công nghệ mới, trong đó có trí tuệ nhân tạo. Nghiên cứu tiếp theo cần đánh giá thực tiễn sử dụng và hiệu quả của OER tại các cơ sở giáo dục Việt Nam.

Từ khóa: chuyển đổi số, giáo dục mở, học tập suốt đời, tài nguyên giáo dục mở, trí tuệ nhân tạo

I. Đặt vấn đề

Sự phát triển của công nghệ số đang làm thay đổi cách thức tạo lập, tiếp cận và chia sẻ tri thức trong giáo dục. Trong bối cảnh đó, tài nguyên giáo dục mở (OER) trở thành một thành tố quan trọng của giáo dục mở và giáo dục số. Theo UNESCO (2019), OER là các tài liệu dạy học, học tập và nghiên cứu thuộc phạm vi công cộng hoặc được phát hành theo giấy phép mở, cho phép truy cập, sử dụng, điều

chỉnh và phân phối lại. Đặc tính này giúp mở rộng khả năng tiếp cận học liệu, thúc đẩy chia sẻ và đồng sáng tạo tri thức trong các bối cảnh giáo dục khác nhau.

Sự phát triển của Internet, các nền tảng học tập trực tuyến và công nghệ mới tạo điều kiện mở rộng việc cung cấp, khai thác OER, góp phần giảm rào cản về chi phí, hỗ trợ đổi mới dạy học và tăng tính linh hoạt trong học tập. UNESCO (2024) nhấn mạnh vai trò của OER như một hàng

¹ Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị, Quảng Trị, Việt Nam

hóa công cộng số, đồng thời đề cao việc phát triển OER gắn với các công nghệ mới nổi nhằm thúc đẩy tiếp cận tri thức công bằng và bao trùm.

Tại Việt Nam, phát triển OER gắn với quá trình chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số trong giáo dục. Quyết định số 749/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2020) và Quyết định số 131/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2022) tạo cơ sở chính sách cho phát triển, khai thác tài nguyên số trong giáo dục. Tuy nhiên, Truong và cộng sự (2021) và Nguyen và cộng sự (2022) cho thấy việc phát triển, sử dụng OER trong giáo dục đại học Việt Nam còn gặp những trở ngại về hạ tầng, kinh phí, năng lực, nhận thức, pháp lý và cơ chế tổ chức, quản lý tài nguyên. Truong và Chau (2026) cũng nhấn mạnh sự cần thiết của các cơ chế hỗ trợ phù hợp để bảo đảm hiệu quả và tính bền vững của các kho OER tại cơ sở giáo dục đại học.

Trước thực tiễn đó, việc làm rõ vai trò, tiềm năng và thách thức của OER có ý nghĩa quan trọng đối với định hướng phát triển tại Việt Nam. Thông qua tổng hợp và phân tích tài liệu nghiên cứu, chính sách và pháp lý liên quan, bài viết hệ thống hóa những vấn đề chủ yếu và đề xuất định hướng phát triển OER theo hướng chất lượng, công bằng và bền vững, góp phần cung cấp cơ sở tham khảo cho các cơ sở giáo dục, nhà quản lý và giảng viên.

II. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm và đặc trưng của tài nguyên giáo dục mở (OER)

Theo UNESCO (2019), tài nguyên giáo dục mở (OER) là các tài liệu dạy học, học tập và nghiên cứu thuộc phạm

vi công cộng hoặc được phát hành theo giấy phép mở, cho phép truy cập, sử dụng, điều chỉnh và phân phối lại. Đặc trưng cốt lõi của OER không chỉ là khả năng tiếp cận miễn phí mà còn là quyền sử dụng được xác lập thông qua giấy phép mở. Vì vậy, tài liệu miễn phí trên Internet không đương nhiên là OER nếu không đáp ứng điều kiện về phạm vi công cộng hoặc giấy phép mở. Điều này đòi hỏi các bên tuân thủ bản quyền và xác định rõ quyền, trách nhiệm trong quá trình phát triển, khai thác và chia sẻ OER.

2.2. Cơ sở lý thuyết và vai trò của OER trong kỷ nguyên số

OER là thành tố của giáo dục mở, góp phần mở rộng tiếp cận tri thức, tăng tính linh hoạt và thúc đẩy chia sẻ học liệu. UNESCO (2019) nhấn mạnh sự cần thiết của chính sách hỗ trợ, nâng cao năng lực, bảo đảm chất lượng, khả năng tiếp cận và tính bền vững. Giá trị của OER không chỉ nằm ở việc cung cấp học liệu mà còn ở quyền điều chỉnh và sử dụng lại tài nguyên theo nhu cầu giáo dục. Tuy nhiên, tính mở chỉ phát huy hiệu quả khi đi kèm chất lượng học liệu, năng lực sử dụng và điều kiện tổ chức phù hợp.

Trong kỷ nguyên số, Internet và công nghệ mới mở rộng khả năng tạo lập, phân phối và khai thác OER. UNESCO (2024a) nhấn mạnh mối liên hệ giữa OER, hàng hóa công cộng số và công nghệ mới nổi nhằm thúc đẩy tiếp cận tri thức công bằng, bao trùm. Bài viết xem xét OER trên ba phương diện: (1) giá trị mở, thể hiện qua quyền truy cập, sử dụng, điều chỉnh và phân phối lại; (2) giá trị giáo dục, thể

hiện ở khả năng hỗ trợ dạy học và phát triển tri thức; và (3) đóng góp phát triển, thể hiện ở tiềm năng thúc đẩy giáo dục mở, giáo dục số và học tập suốt đời. OER góp phần hỗ trợ các quá trình này nhưng không đồng nhất với toàn bộ giáo dục mở hay chuyển đổi số giáo dục.

2.3. Tổng quan các nghiên cứu về OER

UNESCO (2019, 2023) xác định OER là phương thức thúc đẩy tiếp cận tri thức công bằng, bao trùm và có chất lượng. Tại Việt Nam, các nghiên cứu ghi nhận tiềm năng mở rộng học liệu, giảm chi phí và hỗ trợ đổi mới giáo dục, đồng thời chỉ ra những hạn chế trong triển khai.

Nguyen và cộng sự (2022), qua tổng hợp 34 công trình và báo cáo khoa học về OER trong giáo dục đại học, nhận diện các vấn đề về hạ tầng Internet, khả năng tự chủ của người học, hướng dẫn khai thác tài nguyên và hiểu biết về bản quyền, giấy phép mở của giảng viên. Nguyen và cộng sự (2025) tiếp tục làm rõ yêu cầu gắn phát triển OER với điều kiện triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

Ở cấp độ cơ sở giáo dục, Truong và cộng sự (2021), dựa trên 20 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc, xác định năm nhóm thách thức trong phát triển kho OER tại Việt Nam: công nghệ và hạ tầng, kinh tế, văn hóa - xã hội, sự phạm và pháp lý. Truong và Chau (2026) nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo, sự phối hợp giữa các đơn vị,

nhận thức và sự tham gia của các bên liên quan. Các nghiên cứu này cho thấy hiệu quả phát triển OER phụ thuộc không chỉ vào chất lượng học liệu mà còn vào nguồn lực, năng lực tổ chức và cơ chế quản trị. Bên cạnh đó, chi phí phát triển, cơ chế tài chính và nguồn lực duy trì cần được xem xét để bảo đảm tính bền vững.

2.4. Khoảng trống nghiên cứu và khung phân tích

Các nghiên cứu trước đã làm rõ vai trò của OER trong mở rộng tiếp cận giáo dục, hỗ trợ dạy học và giảm chi phí học liệu, đồng thời nhận diện các rào cản về hạ tầng, năng lực, bản quyền và tổ chức. Tuy nhiên, cần xem xét đồng thời giá trị mở, hiệu quả giáo dục, cơ chế tài chính và các điều kiện bảo đảm tính bền vững của OER. Trong bối cảnh Việt Nam, vai trò của cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục trong huy động nguồn lực, quản trị và duy trì kho OER cũng cần được chú trọng.

Trên cơ sở tổng hợp nghiên cứu và định hướng của UNESCO (2019, 2023, 2024), bài viết xây dựng khung phân tích gồm ba thành phần: (1) giá trị mở của OER; (2) vai trò và tiềm năng của OER; và (3) đóng góp của OER đối với giáo dục mở, giáo dục số và học tập suốt đời. Các thành phần này được xem xét trong mối quan hệ với bản quyền, chất lượng, năng lực số, hạ tầng công nghệ, văn hóa chia sẻ, chi phí, cơ chế tài chính, chính sách, quản trị và tính bền vững. Khung phân tích định hướng việc tổng hợp, phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu.



Hình 1. Khung phân tích OER trong kỷ nguyên số

Nguồn: Tác giả xây dựng trên cơ sở tổng hợp các tài liệu nghiên cứu và UNESCO (2019, 2023, 2024).

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan, phân tích và tổng hợp tài liệu nhằm làm rõ vai trò, tiềm năng, thách thức và định hướng phát triển tài nguyên giáo dục mở (OER) trong kỷ nguyên số. Nguồn dữ liệu gồm 15 tài liệu cốt lõi, trong đó có ba bài báo khoa học đăng trên *Vietnam Journal of Education*, *The International Review of Research in Open and Distributed Learning* và *Information Research*; sáu tài liệu của UNESCO; và sáu văn bản chính sách, pháp lý của Việt Nam liên quan đến giáo dục, sở hữu trí tuệ và chuyển đổi số. Nghiên cứu ưu tiên tài liệu giai đoạn 2020-2026, kết hợp một số tài liệu nền tảng phù hợp.

Tài liệu được lựa chọn theo các tiêu chí: (1) phù hợp với mục tiêu và khung phân tích; (2) có nguồn xuất bản hoặc

cơ quan ban hành xác định, có thể kiểm chứng; (3) bảo đảm giá trị học thuật, chuyên môn hoặc pháp lý; và (4) cung cấp luận cứ trực tiếp về OER. Đối với bài báo khoa học, nghiên cứu xem xét uy tín tạp chí, năm công bố và mức độ phù hợp của nội dung; việc tạp chí thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm được sử dụng làm tiêu chí tham khảo, không phải điều kiện lựa chọn duy nhất. Đối với tài liệu UNESCO và văn bản pháp lý, tiêu chí chính là độ tin cậy, thẩm quyền ban hành và mức độ liên quan.

Quy trình nghiên cứu gồm thu thập, sàng lọc, phân loại và phân tích nội dung tài liệu; so sánh, đối chiếu các luận điểm và kết quả nghiên cứu để xác định vấn đề nổi bật và khoảng trống nghiên cứu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu vận dụng khung phân tích gồm ba nội dung: (1) giá trị mở của

OER; (2) vai trò và tiềm năng của OER; và (3) đóng góp của OER đối với giáo dục mở, giáo dục số và học tập suốt đời. Các điều kiện và rào cản về bản quyền, chất lượng, năng lực số, hạ tầng, nhận thức, chính sách và tính bền vững được xem xét xuyên suốt, làm cơ sở thảo luận và đề xuất định hướng phát triển OER phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả tổng hợp tài liệu cho thấy tài nguyên giáo dục mở (OER) góp phần mở rộng tiếp cận tri thức, đổi mới dạy học và thúc đẩy chia sẻ học liệu. Tuy nhiên, hiệu quả và tính bền vững của OER phụ thuộc vào chất lượng tài nguyên, năng lực người sử dụng, hạ tầng, bản quyền, chính sách, nguồn lực tài chính và cơ chế quản trị.

4.1. Vai trò của OER trong kỹ nguyên số

OER góp phần mở rộng tiếp cận học liệu, giảm chi phí tài liệu học tập và thúc đẩy công bằng giáo dục. Theo UNESCO (2019, 2023), giấy phép mở cho phép người sử dụng truy cập, điều chỉnh và phân phối lại tài nguyên theo các điều kiện tương ứng. Nguyen và cộng sự (2022) cũng ghi nhận tiềm năng mở rộng nguồn học liệu trong giáo dục đại học Việt Nam.

Khả năng điều chỉnh và sử dụng lại học liệu giúp giảng viên đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng nhu cầu người học, nhất là trong môi trường trực tuyến và học tập kết hợp. OER còn thúc đẩy chia sẻ, đồng sáng tạo tri thức giữa giảng viên, người học, thư viện và cơ sở giáo dục, đồng thời hỗ trợ tự học và học tập suốt đời (UNESCO, 2019). Tuy nhiên, những lợi ích này phụ thuộc vào chất lượng tài

nguyên và năng lực khai thác của người sử dụng (Nguyen và cộng sự, 2022).

4.2. Tiềm năng của OER trong giáo dục hiện đại

OER có tiềm năng hỗ trợ đổi mới thiết kế khóa học, phát triển giáo dục trực tuyến và học tập kết hợp thông qua chia sẻ, điều chỉnh và sử dụng lại học liệu. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa tiềm năng này tại Việt Nam còn gặp trở ngại về công nghệ, kinh tế, văn hóa - xã hội, sự phạm và pháp lý (Truong và cộng sự, 2021). Truong và Chau (2026) nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo, sự phối hợp giữa các đơn vị và sự tham gia của các bên liên quan. Vì vậy, công nghệ cần đi đôi với năng lực chuyên môn, quản trị và nguồn lực ổn định.

Về kinh tế và tài chính, OER có thể giảm chi phí mua học liệu của người học và hạn chế việc nhiều cơ sở giáo dục biên soạn trùng lặp, nhưng không đồng nghĩa với việc không phát sinh chi phí. Chi phí vòng đời OER bao gồm biên soạn, thiết kế sự phạm, thẩm định, số hóa, cấp phép, lưu trữ, tổ chức tìm kiếm, cập nhật và hỗ trợ người sử dụng. Thiếu kinh phí duy trì có thể khiến tài nguyên lỗi thời, giảm chất lượng và ít được khai thác.

Do đó, phát triển OER cần được xem là khoản đầu tư dài hạn cho hạ tầng tri thức và chất lượng giáo dục. Nguồn lực có thể huy động từ ngân sách nhà nước, kinh phí cơ sở giáo dục, các chương trình, dự án hỗ trợ và hợp tác phù hợp pháp luật. Cần khuyến khích phối hợp biên soạn, chia sẻ chi phí, tái sử dụng tài nguyên và ghi nhận đóng góp của giảng viên. Hiệu quả đầu tư nên được đánh giá qua chất lượng, khả năng tiếp cận, mức độ sử dụng lại, tính cập nhật và chi phí duy trì, thay vì chỉ dựa vào số lượng học liệu.

OER còn có tiềm năng kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ mới nổi. UNESCO (2024a) đề cập mối liên hệ giữa OER, hàng hóa công cộng số và công nghệ mới nổi; nghiên cứu của Lê (2026) về ứng dụng AI trong phát triển học liệu ngoại ngữ mở tại Trường Đại học Mở Hà Nội gợi mở hướng ứng dụng này. Tuy nhiên, việc sử dụng AI cần gắn với thẩm định chất lượng, kiểm chứng thông tin, tuân thủ bản quyền và bảo đảm trách nhiệm học thuật.

4.3. Những thách thức trong phát triển OER

Thứ nhất, bảo đảm chất lượng và độ tin cậy là điều kiện thiết yếu. OER cần được thẩm định nội dung, kiểm tra độ chính xác, cập nhật và bảo đảm phù hợp với mục tiêu giáo dục; nếu thiếu quy trình kiểm soát, kho tài nguyên có thể chứa học liệu trùng lặp, lỗi thời hoặc chưa đạt yêu cầu chuyên môn.

Thứ hai, bản quyền và giấy phép mở ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo lập, điều chỉnh và phân phối lại tài nguyên. Nguyen và cộng sự (2022) chỉ ra hạn chế về hiểu biết bản quyền và giấy phép mở trong khai thác OER tại Việt Nam. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022, Nghị định số 17/2023/NĐ-CP và Nghị định số 134/2026/NĐ-CP là những căn cứ pháp lý cần xem xét khi phát triển và sử dụng học liệu. Tài liệu miễn phí trên Internet không mặc nhiên là OER; việc sử dụng và phân phối lại phải tuân thủ pháp luật và điều kiện cấp phép.

Thứ ba, năng lực số và năng lực khai thác OER của giảng viên, người học còn là thách thức. Người sử dụng cần biết tìm kiếm, đánh giá, lựa chọn, điều chỉnh và

trích dẫn tài nguyên có trách nhiệm; giảng viên còn cần năng lực thiết kế sư phạm và hiểu biết về giấy phép mở.

Thứ tư, hạ tầng và cơ chế quản trị quyết định khả năng tiếp cận, vận hành và phát triển kho OER. Truong và cộng sự (2021), Truong và Chau (2026) cho thấy phát triển kho OER không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn đòi hỏi sự lãnh đạo, phối hợp giữa các đơn vị và tham gia của các bên liên quan. Nguyen và cộng sự (2025) cũng cung cấp cơ sở tham khảo về điều kiện thúc đẩy OER trong giáo dục đại học Việt Nam.

Thứ năm, bảo đảm tài chính dài hạn là thách thức xuyên suốt. Việc giảm chi phí học liệu cho người học không tự động tạo ra nguồn kinh phí sản xuất, cập nhật và vận hành OER. Vì vậy, cần xác định rõ nguồn kinh phí, trách nhiệm đóng góp và kế hoạch duy trì sau đầu tư; đồng thời đánh giá hiệu quả dựa trên mức độ sử dụng và tính bền vững của tài nguyên.

4.4. Định hướng phát triển OER trong kỷ nguyên số

Từ kết quả phân tích, bài viết đề xuất năm định hướng phát triển OER gắn với chính sách, tài chính, quản trị, năng lực người sử dụng và hợp tác giáo dục.

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách và cơ chế điều phối. Trên cơ sở Quyết định số 749/QĐ-TTg năm 2020 và Quyết định số 131/QĐ-TTg năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần hướng dẫn về chất lượng, giấy phép mở, chia sẻ và khai thác OER; khuyến khích tích hợp OER vào chiến lược phát triển học liệu và chuyển đổi số, đồng thời xây dựng cơ chế ghi nhận đóng góp của giảng viên. Chính sách cần phù hợp với điều kiện triển khai tại các cơ sở giáo dục (Nguyen và cộng sự, 2025).

Thứ hai, bảo đảm tài chính ổn định và tính đủ chi phí vòng đời OER. Cần kết hợp ngân sách nhà nước, kinh phí của cơ sở giáo dục và các nguồn hợp tác hợp pháp, bao quát chi phí biên soạn, thẩm định, số hóa, cấp phép, lưu trữ, cập nhật và hỗ trợ người dùng. Khuyến khích phối hợp đầu tư, chia sẻ và sử dụng lại học liệu để hạn chế trùng lặp; phân bổ kinh phí dựa trên chất lượng, mức độ sử dụng và khả năng duy trì, không chỉ dựa vào số lượng tài nguyên.

Thứ ba, nâng cao năng lực quản trị OER tại các trường đại học. Các trường cần xác định mục tiêu, phân công trách nhiệm giữa lãnh đạo, giảng viên, thư viện và bộ phận công nghệ thông tin; xây dựng quy trình thẩm định, cấp phép, công bố và cập nhật học liệu. Đồng thời, cần ghi nhận đóng góp, khuyến khích chia sẻ và sử dụng lại tài nguyên (Truong và cộng sự, 2021; Truong và Chau, 2026).

Thứ tư, phát triển năng lực số và năng lực khai thác OER cho giảng viên, người học, cán bộ thư viện và nhân sự quản trị. Bồi dưỡng cần tập trung vào tìm kiếm, đánh giá, điều chỉnh, trích dẫn và chia sẻ học liệu, cùng với kiến thức về bản quyền và giấy phép mở. Khi sử dụng AI, cần chú trọng kiểm chứng thông tin, nguồn gốc tài liệu và quyền sử dụng.

Thứ năm, xây dựng hệ sinh thái chia sẻ và đánh giá tính bền vững. Cần tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục, thư viện và đơn vị chuyên môn để chia sẻ tài nguyên, kinh nghiệm và nguồn lực. Việc đánh giá cần dựa trên chất lượng, khả năng tiếp cận, mức độ cập nhật và sử dụng lại, sự tham gia của người dùng và chi phí duy trì, qua đó phản ánh cả giá trị giáo dục lẫn khả năng phát triển lâu dài của OER.

4.5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy OER là thành tố quan trọng của hệ sinh thái giáo dục mở và giáo dục số, trong đó giá trị cốt lõi không chỉ là khả năng tiếp cận mà còn là quyền sử dụng, điều chỉnh và phân phối lại theo giấy phép mở, phù hợp với định hướng của UNESCO (2019, 2023, 2024a, 2024b).

Đóng góp của nghiên cứu là kết nối giá trị mở của OER với hiệu quả giáo dục, cơ chế tài chính và năng lực quản trị. Tính mở không tự động bảo đảm chất lượng; hiệu quả OER còn phụ thuộc vào chất lượng học liệu, năng lực người sử dụng và điều kiện triển khai. Vì vậy, cần đánh giá OER dựa trên chất lượng, mức độ tiếp cận, khả năng sử dụng lại và giá trị giáo dục, thay vì chỉ tính số lượng tài nguyên.

Trong bối cảnh Việt Nam, phát triển OER cần sự phối hợp giữa cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần hoàn thiện định hướng, hướng dẫn và cơ chế hỗ trợ; các trường đại học tổ chức biên soạn, thẩm định, cấp phép và cập nhật học liệu (Truong và cộng sự, 2021; Truong và Chau, 2026). Đồng thời, cần bảo đảm kinh phí duy trì thường xuyên bên cạnh đầu tư ban đầu, hoàn thiện cơ chế chia sẻ nguồn lực và đánh giá tính bền vững. Việc ứng dụng AI cần gắn với kiểm soát chất lượng, bản quyền và trách nhiệm học thuật (UNESCO, 2024a). Đây là những hàm ý rút ra từ phân tích tài liệu, chưa phải kết quả kiểm chứng thực nghiệm về hiệu quả của các chính sách cụ thể.

Nghiên cứu còn hạn chế do chưa có dữ liệu thực nghiệm trực tiếp về mức độ sử dụng, chi phí và hiệu quả OER tại các cơ sở giáo dục. Nghiên cứu tiếp theo cần khảo sát thực tiễn, đánh giá tác động của

OER đối với dạy học và kết quả học tập, đồng thời so sánh các mô hình tài chính và quản trị kho OER tại Việt Nam.

V. Kết luận và kiến nghị

Kết quả tổng hợp và phân tích tài liệu cho thấy tài nguyên giáo dục mở (OER) góp phần mở rộng tiếp cận tri thức, đổi mới dạy và học, thúc đẩy chia sẻ và học tập suốt đời. Giá trị của OER không chỉ nằm ở việc cung cấp học liệu miễn phí hoặc chi phí thấp mà còn ở quyền truy cập, tái sử dụng, điều chỉnh và phân phối lại theo giấy phép mở. Tuy nhiên, hiệu quả và tính bền vững của OER phụ thuộc vào chất lượng học liệu, năng lực số, hạ tầng, cơ chế tài chính, chính sách quản trị và việc tuân thủ pháp luật về quyền tác giả.

Để phát triển OER tại Việt Nam, cần hoàn thiện chính sách hỗ trợ, xây dựng kho tài nguyên có cơ chế thẩm định và cập nhật, đồng thời nâng cao năng lực khai thác, điều chỉnh và chia sẻ OER của giảng viên, người học. Việc ứng dụng AI và các công nghệ mới cần gắn với kiểm soát chất lượng, trách nhiệm học thuật và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Do nghiên cứu chủ yếu dựa trên phân tích tài liệu, các nghiên cứu tiếp theo cần khảo sát thực tiễn để đánh giá mức độ sử dụng, tác động của OER đối với dạy và học, cũng như xác định mô hình tài chính và quản trị phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ. (2023). *Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*. <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=207842&pageid=27160&typegroupid=4>
- Chính phủ. (2026). *Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=217833&pageid=27160>
- Lê, T. M. T. (2026). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát triển học liệu ngoại ngữ mở: Tiếp cận từ chiến lược phát triển của Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 17(Số đặc biệt 17A), 229-240. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1368>
- Nguyen, A. T. H., Truong, A. T., và Nguyen, G. H. (2022). Recommendations to optimize the use of open educational resources in Vietnamese higher education context. *Vietnam Journal of Education*, 6(3), 216-224. <https://doi.org/10.52296/vje.2022.211>
- Nguyen, T. H. H., Le, T. M. T., Nguyen, T. V. D., và Mac, V. H. (2025). Promoting open educational resources for higher education in Vietnam. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 60-81. <https://doi.org/10.64233/LVTM2762>
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục (Luật số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019)*.
- Quốc hội. (2022). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022)*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=200163&pageid=27160>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án tăng*

- cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.* <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=0&docid=205236&pageid=27160>
- Trần, Đ. H., và Nguyễn, T. P. L. (2026). Từ dữ liệu mở đến trải nghiệm học tập mở: Tái định vị giáo dục mở trong bối cảnh chuyển đổi số và hàm ý cho giáo dục đại học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1344>
- Truong, V., và Chau, B. T. (2026). Envisioning the process: Lessons from developing institutional OER repositories in Vietnam. *Information Research*, 31(iConf), 827-843. <https://doi.org/10.47989/ir31iConf64120>
- Truong, V., Denison, T., và Stracke, C. M. (2021). Developing institutional open educational resource repositories in Vietnam: Opportunities and challenges. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 22(4), 109-124. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v23i1.5582>
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*. <https://www.unesco.org/en/legal-affairs/recommendation-open-educational-resources-oer>
- UNESCO. (2022). *The 2019 UNESCO Recommendation on open educational resources (OER): Supporting universal access to information through quality open learning materials*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000383205>
- UNESCO. (2023). *Consolidated report on the implementation by Member States of the 2019 Recommendation concerning open educational resources (OER)*. <https://www.unesco.org/en/legal-affairs/monitoring/1st-consultation-2023>
- UNESCO. (2024a). *Dubai declaration on open educational resources (OER): Digital public goods and emerging technologies for equitable and inclusive access to knowledge*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000392271>
- UNESCO. (2024b). *Guidelines on the implementation of the OER Recommendation: Action area 3-Effective, inclusive and equitable access to quality OER*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000389037>
- UNESCO. (2026). *Open educational resources statistics*. <https://www.unesco.org/en/open-educational-resources/statistics>

OPEN EDUCATIONAL RESOURCES (OER) IN THE DIGITAL AGE: ROLES, POTENTIAL, AND DEVELOPMENT DIRECTIONS

Le Duc Quang¹, Nguyen Thi Le Suong¹, Hoang Ai My¹

Abstract: *Open Educational Resources (OER) contribute to expanding access to knowledge and promoting open education in the context of digital transformation. This study examines the roles, potential, challenges, and development directions of OER, with particular attention to Vietnam, through a review and analysis of relevant research, policy, and legal documents. The findings indicate that OER facilitates access to educational materials, supports innovation in teaching and learning, promotes knowledge sharing, and fosters lifelong learning. However, its effectiveness and sustainability depend on resource quality, copyright, digital competencies, technological infrastructure, policies, and funding mechanisms. The study recommends strengthening policy frameworks, enhancing OER competencies, developing high-quality repositories, ensuring sustainable funding, and appropriately leveraging emerging technologies, including artificial intelligence. Future research should assess OER use and effectiveness in Vietnamese educational institutions.*

Keywords: *digital transformation, lifelong learning, open education, open educational resources, artificial intelligence*

¹ Quang Tri Teacher Training College, Quang Tri, Vietnam